

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DSST

Ngày: 03/3/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M - TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm

2. Ông Nguyễn Mạnh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 14/01/2021 về vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/ QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Đặng Thanh H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu vực T T B, phường T A, quận M, thành phố Cần Thơ.

-Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Khu vực T P, phường T A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Thanh H trình bày:

Nguyên ông có vào 02 chân hội tháng của bà Nguyễn Thị L làm chủ hội, cụ thể:

- 01 chân hội tháng 2.000.000 đồng, áp ngày 20/5/2018 gồm 24 hội viên. Chân hội này đến lần thứ 20 thì ông hót được số tiền là 41.500.000 đồng nhưng bà L chỉ giao cho ông 28.500.000 đồng, còn thiếu lại 13.000.000 đồng.

- 01 chân hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 29/6/2018 gồm 27 hụi viên. Chân hụi này đến lần thứ 24 thì ông hốt được số tiền là 23.750.000 đồng nhưng bà L không giao cho ông được đồng nào, còn thiếu lại 23.750.000 đồng.

Tổng cộng 02 chân hụi bà L còn thiếu chưa giao đủ tiền hụi cho ông là 36.750.000 đồng trong khi ông đã đóng tiền hụi sống đầy đủ cho bà L do các người thân trong gia đình bà L đi góp. Ông có trao đổi với bà L yêu cầu giao cho tiền hốt hụi được, thì bà L cứ hên lần hên lựa và gần đây tìm cách né tránh, lánh mặt. Sự việc đã được đưa ra hòa giải ở khu vực nhưng 03 lần mời bà L không dự, trong khi bà L còn có tài sản, nhà cửa, đất đai có khả năng trả tiền hụi. Thiết nghĩ, bà L cố tình lợi dụng sự quen biết để lừa gạt chiếm đoạt tài sản của ông, vì đây là tiền dành dụm để lo cho con cái ăn học và nuôi sống gia đình, nên ông yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc bà L trả cho ông số tiền hụi còn thiếu là 36.750.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Phần trình bày của bị đơn - bà Nguyễn Thị L:

Nguyên vào năm 2018 bà có làm chủ hụi, ông Đặng Thanh H là bà con có hỏi bà tham gia nhiều dây hụi, H đã hốt và đóng hụi chết đầy đủ. Riêng dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 29/6/2018 (27 hụi viên) H kêu hốt chân hụi này được số tiền 21.000.000 đồng nhưng do thời gian đó bà trảng hụi chết nhiều, nên không có tiền giao hụi cho H. Đồng thời, bà còn nợ ông H số tiền 4.130.000 đồng, tổng cộng nợ H là 25.130.000 đồng. Trong thời gian chơi hụi ông H còn nợ bà số tiền 570.000 đồng là tiền nợ hụi.

Nay bà thừa nhận có nợ ông H số tiền hụi tổng cộng là 25.130.000 đồng, trừ phần ông H nợ số tiền 570.000 đồng, hiện bà còn nợ ông H số tiền 24.560.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ này.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền hụi 36.750.000 đồng.

- Phía bị đơn thừa nhận nợ ông H số tiền hụi tổng cộng là 25.130.000 đồng, trừ phần ông H nợ tiền hụi 570.000 đồng, hiện còn nợ ông H số tiền 24.560.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ này.

- Nguyên đơn không chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 36.750.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hội”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Theo hồ sơ vụ kiện, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ giao dịch dân sự hợp đồng góp hội. Theo đó, nguyên đơn ông H là hội viên còn bị đơn là chủ hội. Trong quá trình chơi hội, nguyên đơn chơi hai chân hội đã đóng hội đầy đủ, đến tháng 5 năm 2018 hót chân hội được số tiền là 41.500.000 đồng nhưng bị đơn chỉ giao 28.500.000 đồng, còn thiếu lại 13.000.000 đồng; đến tháng 6 năm 2018 hót chân hội sau được số tiền là 23.750.000 đồng bị đơn không giao. Tổng cộng 02 chân hội bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 36.750.000 đồng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả.

Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hội tổng cộng là 25.130.000 đồng, trừ phần nguyên đơn nợ 570.000 đồng, nên còn nợ số tiền 24.560.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Ông Đặng Thanh H đòi bà Nguyễn Thị L trả 36.750.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa nguyên đơn ông H và bị đơn bà Liễu có quan hệ giao dịch dân sự nêu trên là có thật. Đối với yêu cầu của nguyên đơn thấy tại phiên hòa giải và trong quá trình tố tụng bị đơn không chấp nhận số tiền nguyên đơn yêu cầu, bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ số tiền 25.130.000 đồng của nguyên đơn. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền bị đơn còn nợ chưa trả và xác định không có tài liệu, chứng cứ về số tiền nợ nêu trên của bị đơn, ngoài lời trình bày của bị đơn thừa nhận là còn nợ nguyên đơn số tiền 25.130.000 đồng. Như vậy, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Bị đơn cho rằng trừ số tiền hội nguyên đơn chưa đóng 570.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 24.560.000 đồng. Nguyên đơn thì không thừa nhận và phía bị đơn cũng không chứng minh được số tiền nguyên đơn còn nợ tiền hội, nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, yêu cầu này của bị đơn không được phía nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H được chấp nhận một phần yêu cầu như đã phân tích trên đối với số tiền 25.130.000 đồng và cần buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu, nên phải chịu án phí tương ứng 5% trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận (11.620.000 đồng x 5% = 581.000 đồng).

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho ông Đặng Thanh H số tiền 25.130.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2/.Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông H phải chịu 581.000 đồng, được khấu trừ số tiền 919.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 011461 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận M thành án phí, nguyên đơn còn được nhận số tiền 338.000 đồng.

- Bị đơn bà L phải chịu 1.256.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng